

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HS -PT
Ngày 31 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn M

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy S;

Bà Nguyễn Thị Thu H.

-Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc L - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Kim T- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 89/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Lưu Thanh T và Chu Ngọc O do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lưu Thanh T, sinh năm 2000, tại xã A, huyện B, tỉnh V; nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện B, tỉnh V; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; Con ông Lưu Văn M và con bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt.

2. Chu Ngọc O, sinh năm 1992, tại xã L, huyện M, thành phố H; nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện M, thành phố H; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Chu Văn N và con bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lưu Thị L và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Thanh T là công nhân của Công ty TNHH S Việt Nam, công việc chính của T là chuyên hàng xuất đi lên xe ô tô và nhận hàng nhập vào kho. Quá trình làm việc, T quen biết Chu Ngọc O là lái xe của Công ty TNHH một thành viên vận tải D, có nhiệm vụ đi giao hàng cho Công ty S và một số Công ty khác.

Khoảng cuối tháng 8/2022, T thấy trong kho có các thùng cattong đựng phế liệu của đồng đột dập nhưng không giao cho ai quản lý, theo dõi trong hệ thống sổ sách nên nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài. Biết O là lái xe vận chuyển hàng ra ngoài nên T lấy vài sợi phế liệu đồng đưa cho O xem biết chỗ nào thu mua không để T trộm cắp rồi chuyển cho O mang đi tiêu thụ. O biết rõ đây là tài sản của công ty S nên hỏi T “hàng này có an toàn không” thì T nói: “hàng này không ai quản lý, lấy ra ngoài an toàn”. Vì là lái xe vận chuyển hàng ra vào công ty nên O biết nếu là hàng xuất thì khi qua cổng bảo vệ phải kiểm tra giấy tờ, nếu là hàng nhập thì chỉ cần nói với bảo vệ là hàng nhập thì không phải kiểm tra hàng và giấy tờ nên việc chuyển hàng trộm cắp ra công ty sẽ không bị phát hiện. O đã đồng ý cầm sợi phế liệu đồng T đưa rồi đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Lưu Thị H, sinh năm 1984 tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố H. Chị Hiền hỏi O về nguồn gốc phế liệu đồng thì O không nói cho chị Hiền biết đó là tài sản trộm cắp trong công ty mà nói là “em mua lại của người khác, bán để ăn chênh lệch”. Chị H tin là thật nên đồng ý mua với giá 120.000 đồng/kg. O báo lại cho T biết giá bán phế liệu đồng rồi cùng thống nhất, T trộm cắp phế liệu đồng của công ty để O mang đi bán lấy tiền chia nhau, T được hưởng 50.000đồng/kg, O được hưởng 70.000 đồng/kg. Trong thời gian từ ngày 21/9/2022 đến ngày 09/10/2022, T và O đã ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là phế liệu đồng tại công ty S, Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: ngày 21/9/2022, T gọi điện thoại cho O nói là đã lấy được đồng phế liệu và bảo O đến công ty sau khi hết giờ làm để mang đi tiêu thụ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, O điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-240.40 của Công ty vận tải D đến gặp T tại công ty S. O đỗ xe ở bên ngoài cửa kho của công ty chờ T. Lợi dụng lúc trong kho không có người T đã trộm cắp 05 thùng cattong phế liệu đồng rồi cùng O bê xếp lên thùng xe ô tô, rồi điều khiển xe ô tô ra về. Khi ra đến cổng gặp bảo vệ, O nói dối với bảo vệ về số thùng cattong trên xe là hàng giao đi công ty khác nên không có phiếu xuất hàng của công ty S. Bảo vệ tin là thật nên cho O điều khiển xe đi ra khỏi công ty. O chở 5 thùng phế liệu đồng về cất giấu tại nhà, đến khoảng 14 giờ ngày 29/9/2022, O chở số phế liệu trên đến bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của chị Lưu Thị H cân được 70kg x 120.000 đồng/kg = 8.400.000đồng, sau đó chị H chuyển số tiền trên vào tài khoản của Chu Ngọc O. Như đã thỏa thuận, O đưa cho T 3.500.000 đồng bằng tiền mặt, còn O hưởng 4.900.000 đồng.

- Lần thứ hai: vẫn với phương thức, thủ đoạn như trên, khoảng 18 giờ ngày 07/10/2022, O điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-240.40 đến công ty S để gặp T rồi cùng T trộm cắp được 130kg phế liệu đồng đựng trong 09 thùng cattong trong kho của công ty. O trả cho T 6.500.000 đồng rồi điều khiển xe ô tô chở phế liệu đồng cất giấu tại nhà.

- Lần thứ ba: khoảng 9 giờ 00 ngày 9/10/2022, O điều khiển xe ô tô tải BKS: 29H-027.86 của Công ty vận tải D đến gặp T trong công ty S để trộm cắp phế liệu đồng. T và O đã trộm cắp được 02 thùng cattong phế liệu đồng. O điều khiển xe ô tô chở về nhà lấy 9 thùng phế liệu đồng đã trộm cắp của ngày 07/10/2022 xếp lên xe ô tô rồi chở đến bán cho chị Lưu Thị H. Chị H cân số phế liệu đồng được $180\text{kg} \times 120.000 \text{ đồng/kg} = 21.600.000 \text{ đồng}$. Chị H chuyển khoản vào tài khoản của Chu Ngọc O 21.500.000 đồng và trả 100.000 đồng tiền mặt. O đưa cho T 9.000.000 đồng. O hưởng 12.600.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp được, O và T tiêu sài cá nhân hết.

Đối với công ty S thấy bị thiếu hụt số lượng phế liệu đồng nên đã kiểm tra qua hệ thống camera an ninh và phát hiện Lưu Thanh T, Chu Ngọc O là người trộm cắp tài sản của công ty nên đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B, Lưu Thanh T, Chu Ngọc O đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Lưu Thanh T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 plus, số Imei: 352977095640648; tạm giữ của Chu Ngọc O 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Oppo F11 pro, số Imei: 863980045145116. Theo chỉ dẫn của Chu Ngọc O, cơ quan điều tra đã đến cơ sở thu mua phế liệu của chị Lưu Thị H tại xã P, huyện Đ, thành phố H, thu giữ được toàn bộ 250kg phế liệu đồng đựng trong 16 thùng cattong.

Kết luận định giá tài sản số 157/KL-HĐĐGTS ngày 22/12/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: trị giá 250kg phế liệu đồng là 34.167.000 đồng, trong đó: ngày 21/9/2022 = $70\text{kg} \times 136.667 \text{ đồng} = 9.567.000 \text{ đồng}$; ngày 7/10/2022 = $130\text{kg} \times 136.667 \text{ đồng} = 17.767.000 \text{ đồng}$; ngày 09/10/2022 = $50\text{kg} \times 136.667 \text{ đồng} = 6.833.000 \text{ đồng}$.

Ngày 12/01/2023, Cơ quan CSĐT-Công an huyện B đã trả lại toàn bộ số tài sản 250kg phế liệu đồng đột rập trên cho chị Nguyễn Thị H là đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S. Sau khi nhận lại tài sản, chị H không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Lưu Thanh T và Chu Ngọc O.

Đối với xe ô tô tải BKS: 29H-240.40 và xe ô tô tải BKS: 29H-027.86 là của Công ty vận tải D nơi Chu Ngọc O làm việc. Công ty không biết việc O sử dụng 02 chiếc xe trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không tạm giữ và không đề cập xử lý.

Đối với 30.000.000 đồng là tiền O và T có được khi bán tài sản trộm cắp cho chị Lưu Thị H, sau khi sự việc bị phát hiện, O và T đã trả lại số tiền trên cho chị H.

Đối với chị Lưu Thị H là người thu mua phế liệu đồng mà O và T đã trộm cắp nhưng không biết về nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Với nội dung như trên, tại Bản án số 73/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lưu Thanh T 01 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022.

Xử phạt bị cáo Chu Ngọc O 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/12/2022 đến ngày 26/12/2022.

Ngoài ra Bản án còn quyết định xử lý về vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, bị cáo Chu Ngọc O, Lưu Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử hình phạt là nặng và đều xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Chu Ngọc O, Lưu Thanh T kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Chu Ngọc O, Lưu Thanh T để sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo Chu Ngọc O, Lưu Thanh T nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Chu Ngọc O, Lưu Thanh T không tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài

liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 21/9/2022, 07/10/2022 và 09/10/2022 Lưu Thanh T và Chu Ngọc O 03 lần trộm cắp phế liệu đồng đột rập của Công ty TNHH S - KCN B II, thị trấn B, huyện B, tỉnh V sau đó bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Cụ thể:

- Ngày 21/9/2022, T và O đã trộm cắp được 70kg phế liệu đồng, trị giá theo kết luận định giá là 9.567.000 đồng.

- Ngày 07/10/2022, T và O đã trộm cắp được 130kg phế liệu đồng, trị giá theo kết luận định giá là 17.767.000 đồng.

- Ngày 09/10/2022, T và O đã trộm cắp được 50kg phế liệu đồng, trị giá theo kết luận định giá là 6.833.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trộm cắp theo kết luận định giá là 34.167.000 đồng.

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo T, O về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức và xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; các bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản nên đã trộm cắp tài sản của Công ty Siệt Nam có tổng trị giá 34.167.000 đồng, do đó cần phải xử phạt nghiêm minh.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy, các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo T, O 03 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức hình phạt 01 năm 09 tháng tù, bị cáo O 01 năm 06 tháng tù là có căn cứ. Tại cấp Phúc thẩm các bị cáo xuất trình tài liệu mới thể hiện các bị cáo trước khi phạm tội là công dân tốt không vi phạm pháp luật tại địa phương; bị cáo Lưu Thanh T có bố Lưu Văn M là bộ đội tham gia bảo vệ tổ Quốc; bị cáo Chu Ngọc O có ông Nội là Chu Văn L được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huân chương kháng chiến hạng nhì. Các bị cáo T, O đều là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc để

áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Tuy được cân nhắc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo T, O là tương xứng nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo T, O trước khi phạm tội có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đều là lao động chính trong gia đình. Đối với tài sản trộm cắp trong vụ án đã được thu hồi trả cho bị hại; các bị cáo đã bồi thường cho chị Lưu Thị H; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo; các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được hưởng sự khoan hồng của pháp luật; các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, đủ điều kiện để cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, nên cần sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo như vậy cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo để sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HSST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tuyên bố các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thanh T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Chu Ngọc O 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Chu Ngọc O cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, thành phố H; giao bị cáo Lưu Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh V giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lưu Thanh T, Chu Ngọc O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh V;
- Công an huyện B;
- Bị cáo;
- Lưu HS - Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Văn Mạnh